

ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

Đinh Thanh Sang¹

¹*Trường Đại học Thủ Dầu Một*

TÓM TẮT

Bằng việc sử dụng phương pháp kế thừa số liệu, khảo sát thực trạng đất rừng và phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã ghi nhận hiện trạng diện tích đất lâm nghiệp có tiềm năng đa dạng sinh học (ĐDSH) cao ở các khu vực liền kề vùng lõi Vườn quốc gia (VQG) Cát Tiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy thảm rừng phòng hộ Đắc Lúa, rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà và Đáo Tiên chứa đựng tiềm năng rất lớn cho bảo tồn ĐDSH. Hệ động vật đa dạng với 217 loài thuộc 87 họ của 31 bộ khác nhau, trong đó 27 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN. Có 37 loài thực vật quý hiếm có tên trong Danh lục đỏ IUCN. Hơn nữa, 3 khu vực này phù hợp với các tiêu chí quy hoạch rừng đặc dụng. Đặc biệt, chuyển đổi những diện tích này sang rừng đặc dụng chỉ ảnh hưởng đến 61,5 ha đất canh tác của cư dân địa phương. Do đó, chuyển mục đích sử dụng các diện tích này thành vùng lõi VQG Cát Tiên là phù hợp và cấp thiết đối với bảo tồn ĐDSH và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng. Tuy vậy, khu vực nghiên cứu chủ yếu là rừng nghèo và đã bị suy giảm. Tình trạng phá rừng vẫn còn phổ biến, cư dân địa phương chưa có sinh kế bền vững. Do đó, song song với quy hoạch mở rộng, cần có giải pháp tổng hợp nhằm phục hồi trữ lượng rừng ở khu vực mới mở rộng.

Từ khóa: Đa dạng sinh học, phát triển bền vững, quy hoạch sử dụng đất, rừng đặc dụng, vùng đệm, Vườn quốc gia Cát Tiên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn quốc gia (VQG) đầu tiên trên thế giới là VQG Yellowstone (Hoa Kỳ), được thành lập vào năm 1872. Từ đó, nhiều khu bảo tồn khác như VQG Hoàng gia (Úc), Banff (Canada), Cúc Phương (Việt Nam) được thành lập cho tới ngày nay. Theo Luật Lâm nghiệp Việt Nam (2017), rừng đặc dụng bao gồm: VQG; khu dự trữ thiên nhiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng là khu vực được bảo toàn nguyên vẹn của VQG, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh. Rừng đặc dụng được sử dụng chủ yếu để bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Để phát triển bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), từ năm 1962 đến nay nhiều diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất và các loại rừng đặc dụng khác của Việt Nam được chuyển đổi thành 33 VQG như hiện nay.

Vườn quốc gia Cát Tiên có tính ĐDSH cao, bảo tồn được nguồn gen nhiều loài động, thực

vật quý hiếm, đồng thời bảo vệ môi trường sống cho 16 dân tộc anh em cùng chung sống (Đinh Thanh Sang, 2006 & 2020; Phạm Hữu Khánh & Vũ Tiến Thịnh, 2013). VQG Cát Tiên góp phần rất quan trọng trong quản lý bảo vệ, phát triển hệ thống rừng đặc dụng. Bảo tồn, cứu hộ, phát huy các giá trị đặc biệt về tài nguyên thiên nhiên, mẫu chuẩn hệ sinh thái, đa dạng sinh học (ĐDSH), nguồn gen sinh vật, di tích lịch sử, văn hóa và cảnh quan. VQG Cát Tiên có 1.521 loài động vật hoang dã thuộc 218 họ, 55 bộ; 1.615 loài thực vật, thuộc 710 chi, 162 họ, 94 bộ. Vì vậy, nếu vùng lõi rộng lớn hơn sẽ đáp ứng được mục đích bảo tồn cao hơn. Trong khi đó, khu vực vùng đệm của VQG Cát Tiên vẫn còn một số diện tích rừng phòng hộ hay rừng sản xuất liền kề vùng lõi có tính ĐDSH cao và cần được bảo tồn. Nghiên cứu nhằm đánh giá tiềm năng bảo tồn ĐDSH của các diện tích rừng phòng hộ hay sản xuất liền kề với vùng lõi VQG Cát Tiên, từ đó đề xuất hướng quy hoạch và giải pháp phát triển bền vững VQG Cát Tiên phục vụ bảo tồn ĐDSH và môi trường rừng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này đánh giá các giá trị tài nguyên đất lâm nghiệp, tài nguyên ĐDSH và các tiêu chí quy hoạch rừng đặc dụng của 3 khu vực tiềm năng tiếp giáp với vùng lõi VQG

Cát Tiên. Khu vực thứ nhất là rừng phòng hộ Đăk Lua. Khu vực này tiếp giáp với ranh giới phía Bắc của Nam Cát Tiên. Khu vực thứ 2 là một phần diện tích của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Lâm nghiệp La Ngà. Khu vực này tiếp giáp với ranh giới phía Nam của Nam Cát Tiên. Khu vực thứ 3 là đảo Tiên tiếp giáp với ranh giới phía đông của vùng lõi Nam Cát Tiên. Từ đó, đề xuất hướng quy hoạch và phát triển bền vững tài nguyên rừng đặc dụng của VQG Cát Tiên.

Nghiên cứu đã kế thừa các số liệu báo cáo thống kê của VQG Cát Tiên và bản đồ hiện trạng rừng được xây dựng trong tháng 12 năm 2017, Danh lục đỏ thế giới (IUCN, 2017), Sách đỏ thực vật (Bộ khoa học và Công nghệ, 2007a), Sách đỏ động vật (Bộ khoa học và Công nghệ, 2007b), các văn bản pháp lý và chính sách ngành lâm nghiệp Việt Nam. Các số liệu được tổng hợp và phân tích theo mục đích của nghiên cứu. Ba khu vực rừng và đất lâm nghiệp có tiềm năng bảo tồn ĐDSH thuộc vùng đệm VQG Cát Tiên được khảo sát. Sáu tuyến khảo sát với tổng chiều dài 16,4 km theo các đường mòn qua các sinh cảnh rừng phòng hộ và rừng sản xuất của 3 khu vực nghiên cứu trong vùng đệm. Phỏng vấn 7 cán bộ VQG Cát Tiên và địa phương. Trong phần xử lý số liệu, sử dụng phần mềm Excel để tổng hợp, tính toán các số liệu về tài nguyên động thực vật, diện tích các loại đất và rừng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng VQG Cát Tiên

Vườn quốc gia Cát Tiên nằm trên địa phận của các huyện Vĩnh Cửu và Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai; huyện Cát Tiên và Bảo Lâm thuộc tỉnh Lâm Đồng và huyện Bù Đăng thuộc tỉnh Bình Phước. Tọa độ địa lý: 11°20'50" đến 11°50'20" độ vĩ Bắc; 107°09'05" đến 107°35'20" độ kinh Đông. Tổng diện tích rừng là 71.187,9 ha hay 100% (Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2013a); trong đó phân theo các khu vực như sau: Khu Nam Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Đồng Nai (39.544,8 ha hay 55,5%), Khu Tây Cát Tiên thuộc địa phận tỉnh Bình Phước (4.382,8 ha hay 6,2%) và Khu Cát Lộc thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng (27.260,3

ha hay 38,3%).

Phía Bắc và Tây của Khu Cát Lộc giáp tỉnh Đăk Nông với ranh giới là sông Đồng Nai, phía Nam giáp huyện Cát Tiên của tỉnh Lâm Đồng, phía Đông giáp huyện Đạ Tẻh và huyện Bảo Lâm của tỉnh Lâm Đồng. Khu Nam Cát Tiên và Tây Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước. Phía Bắc giáp huyện Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng và huyện Bù Đăng thuộc tỉnh Bình Phước. Phía Nam giáp phần diện tích còn lại của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà thuộc địa bàn huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Phía Đông giáp huyện Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai với ranh giới là sông Đồng Nai. Phía Tây giáp Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai thuộc tỉnh Đồng Nai.

Vườn quốc gia Cát Tiên có sự ĐDSH rất cao về thực vật, động vật và thủy sinh vật và các loại côn trùng, nấm. Vườn quốc gia Cát Tiên đã phục hồi được loài cá Sấu nước ngọt. Ở Việt Nam, loài này có nguy cơ tuyệt chủng ngoài tự nhiên. Đây là nơi còn lại những quần thể thú lớn quan trọng ở Việt Nam như Bò tót (*Bos gaurus*) và Voi Châu Á (*Elephas maximus*). Mở rộng VQG Cát Tiên sẽ tạo điều kiện bảo tồn những loài sinh vật quý, hiếm, nhất là mở rộng sinh cảnh sống cho loài Bò tót, Voi Châu Á, các loài thú móng guốc và các loài động vật hoang dã khác.

3.2. Hiện trạng rừng và tài nguyên ĐDSH ở các khu vực nghiên cứu

3.2.1. Vị trí và diện tích

Rừng phòng hộ Đăk Lua có diện tích 1.418 ha nằm ở phía Bắc vùng lõi Nam Cát Tiên. Vùng này bao gồm Tiểu khu 1 và Tiểu khu 5. Hai Tiểu khu này tiếp giáp với Tiểu khu 2 và Tiểu khu 15 của VQG Cát Tiên. Diện tích đất rừng sản xuất thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà chuyển vào VQG Cát Tiên là 9.934,6 ha (VQG Cát Tiên, 2018). Những diện tích này thuộc các tiểu khu: 54, 58, 62, 65, 67, 68, 72, 79, 81, 83, 84, 85, 86, 89, 90, 94, 96, 99, 101, 103, 104, 106, 107, 109, 113, 121, 122 và một diện tích nhỏ tại các tiểu khu 70, 88, 112, 124, 117 và 118. Khu vực này nằm tiếp giáp với ranh giới phía Nam của vùng lõi Nam Cát Tiên. Đảo Tiên có diện tích 56,8 ha thuộc khoảnh 6 của tiểu khu 588. Khu vực này thuộc

địa bàn xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Đạ Tiên tiếp giáp với ranh giới phía Đông của vùng lõi Nam Cát Tiên.

3.2.2. Tài nguyên rừng và ĐDSH

Thảm thực vật rừng ở rừng phòng hộ Đăk Lua, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà và Đạ Tiên đều là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm tương tự như thảm thực vật của VQG Cát Tiên. Ba khu vực này có các loại rừng lá rộng thường xanh, rừng hỗn giao lồ ô - gỗ, gỗ - lồ ô và rừng lồ ô, nửa thuần loại. Chúng phân bố đan xen nhau.

Khu vực này bắt gặp 45 loài thực vật quý, hiếm; trong đó 37 loài nằm trong Danh lục đỏ thế giới, 7 loài trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP và 17 loài trong sách Đỏ thực vật. Những loài này cũng phân bố ở vùng lõi VQG Cát Tiên. Ba khu vực này cũng xuất hiện những loài cây gỗ lớn đặc trưng của khu vực miền Đông Nam Bộ như họ Đậu (Fabaceae), họ Dầu (Dipterocarpaceae) và họ Tử vi (Lythraceae). Đặc biệt, khu vực nghiên cứu có nhiều loài thực vật mang giá trị kinh tế cao, nguồn gen quý, hiếm và số lượng lớn như: Cẩm lai nam (*Dalbergia cochinchinensis*), Cẩm lai Bà Rịa (*Dalbergia bariensis*), Cẩm lai bông (*Dalbergia olivieri*), Cẩm lai vú (*Dalbergia mammosa*), Gỗ đỏ (*Azelia xylocarpa*), Gỗ mật (*Sindora siamensis*), Dáng hương trái to (*Pterocarpus macrocarpus*).

Những diện tích này là nơi phân bố của nhiều loài động vật có xương sống trên cạn quý, hiếm, đặc hữu, có tên trong Danh lục đỏ thế giới như Bò tót (*Bos gaurus*), Voi Châu Á (*Elephas maximus*), Khi mặt đỏ (*Macaca arctoides*), Khi đuôi lợn (*Macaca nemestrina*), Khi đuôi dài (*Macaca fascicularis*), Chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Mèo rừng (*Prionailurus bengalensis*), Cây giông (*Viverra zibetha*), Cây hương (*Viverricula indica*), Cây bay (*Cynocephalus variegatus*), Nai đen (*Rusa unicolor*), Tê tê Java (*Manis javanica*) (VQG Cát Tiên, 2018). Những loài động vật quý, hiếm (36 loài) bắt gặp ở ba khu vực nghiên cứu này đều phân bố ở vùng lõi VQG Cát Tiên. Nói chung, các loài động vật có xương sống trên cạn ở ba khu vực nghiên

cứ đều có quan hệ mật thiết với các loài động vật hoang dã ở VQG Cát Tiên.

3.2.3. Kinh tế xã hội

Sản xuất nông nghiệp là hoạt động sản xuất chính của cư dân xung quanh các diện tích nghiên cứu. Cây trồng chính là Điều, cây ăn trái, cây hoa màu. Diện tích trồng cây lương thực không đáng kể. Chăn nuôi chính là chăn nuôi gia súc và gia cầm theo quy mô hộ gia đình. Các loài vật nuôi chính là bò, trâu, heo và các loại gia cầm. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực này rất kém phát triển. Nhiều cộng đồng ở vùng đệm và vùng lõi, đặc biệt là đồng bào thiểu số có đời sống khó khăn và phụ thuộc nhiều vào lâm sản ngoài gỗ (Đình Thanh Sang, 2019; Đình Thanh Sang, 2020).

Ba khu vực nghiên cứu thuộc là đất quy hoạch cho lâm nghiệp lâu dài, ổn định và thuộc vùng đệm của VQG Cát Tiên. Khu vực này không có dân cư sinh sống. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp chỉ 61,8 ha, chiếm 0,5% tổng diện tích đất của 3 khu vực nghiên cứu. Như vậy, chuyển những diện tích này sang rừng đặc dụng để mở rộng VQG Cát Tiên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến đời sống, kinh tế của cư dân địa phương.

3.3. Đánh giá các tiêu chí quy hoạch rừng đặc dụng

3.3.1. Phù hợp với quy hoạch rừng đặc dụng

Theo quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định 1976/QĐ-TTg, VQG Cát Tiên đến năm 2030 sẽ có diện tích là 83.143,37 ha; trong đó tỉnh Đồng Nai là 51.721,60 ha, tỉnh Lâm Đồng là 27.228,77 ha và tỉnh Bình Phước là 4.193,0 ha (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2014). So với diện tích hiện nay (71.187,9 ha) diện tích của VQG Cát Tiên tăng 11.955,5 ha. Mặt khác, tổng diện tích của 3 khu vực nghiên cứu có tiềm năng bảo tồn ĐDSH là 11.409,4 ha. Như vậy, định hướng quy hoạch rừng đặc dụng VQG Cát Tiên phù hợp với quy hoạch rừng đặc dụng quốc gia.

Trong phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia, diện tích đất rừng đặc dụng của tỉnh Đồng Nai tăng 11.203 ha. Đây là diện tích đất

rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà theo Nghị quyết số 74/NQ-CP và Công văn số 1927/TTg-KTN (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2016 & 2017b). Như vậy, định hướng mở rộng đất rừng đặc dụng của VQG Cát Tiên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013- 2016” theo Quyết định 594/QĐ-TTg, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành điều tra, kiểm kê rừng. Kết quả đã được phê duyệt tại Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 8/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổng diện tích của VQG Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai là 40.934,7 ha (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2013a; UBND tỉnh Đồng Nai, 2016). Như vậy, diện tích kiểm kê này đã bao gồm cả phần mở rộng VQG Cát Tiên trên diện tích đất lâm nghiệp của rừng phòng hộ Đắc Lúa.

Ba khu vực nghiên cứu có ranh giới tiếp giáp, liền kề, liền khoảnh với đất rừng đặc dụng của VQG Cát Tiên ở khu vực Nam Cát Tiên. Hơn nữa, rừng phòng hộ Đắc Lúa và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà nằm trong cùng huyện Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai. Đây là địa phương tiếp giáp với huyện Đạ Tẻh của tỉnh Lâm Đồng và nơi đây có khu vực Đảo Tiên. Vì vậy, các điều kiện về tự nhiên như đất đai, địa hình, thời tiết, khí hậu gần như tương đồng. Đặc biệt, không có ranh giới gây cản trở cho các hoạt động bảo tồn ĐDSH cũng như việc di chuyển của động vật hoang dã giữa các khu rừng.

3.3.2. Phù hợp với tiêu chí rừng đặc dụng là Vườn quốc gia

Theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP, VQG phải có diện tích liền vùng tối thiểu 7.000 ha, trong đó ít nhất 70% diện tích là các hệ sinh thái rừng (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2018). Thực tế khu vực nghiên cứu có diện tích 11.409,4 ha, trong đó bao gồm 3.365,3 ha là rừng phòng hộ, 8.044,1 ha là sản xuất. Diện tích đất có rừng 11.090 ha, độ che phủ của rừng là 97,2 % tổng diện tích nghiên cứu; trong đó rừng tự nhiên là 10.876,7 ha, độ

che phủ là 95,3%, rừng trồng 213,4 ha, chiếm 1,9% (VQG Cát Tiên, 2018). Đất không có rừng gồm các diện tích đất trống chưa có cây gỗ tái sinh và có cây gỗ tái sinh là 180,5 ha; chiếm 1,6% tổng diện tích nghiên cứu. Đất khác trong lâm nghiệp có diện tích 138,9 ha, gồm đất bán ngập và ngập nước (1,2%); diện tích canh tác nông nghiệp là 61,8 ha. Các khu vực nghiên cứu đều thuộc hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới của vùng Đông Nam Bộ. Ở trạng thái rừng lá rộng thường xanh nguyên sinh và thứ sinh trên đất thấp đều ưu thế cây họ Dầu (Dipterocarpaceae), họ Đậu (Fabaceae) và họ Tử vi (Lythraceae). Ở đây cũng xuất hiện rừng hỗn giao gỗ - lồ ô, lồ ô - gỗ và rừng lồ ô thuần loại. Chúng đều có giá trị về mặt bảo tồn.

Hơn nữa, VQG phải đáp ứng tiêu chí: có ít nhất 1 hệ sinh thái tự nhiên đặc trưng của một vùng hoặc của quốc gia, quốc tế hoặc có ít nhất 1 loài sinh vật đặc hữu của Việt Nam hoặc có trên 5 loài thuộc Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2018). Các khu vực nghiên cứu có phân bố của các loài thực vật quý hiếm theo các tiêu chí: Danh mục những loài thực vật quý hiếm theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP, Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ thế giới (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2006; Bộ khoa học và Công nghệ, 2007a; IUCN, 2017). Đặc biệt, nhiều loài có giá trị kinh tế cao như Gỗ đỏ (*Azelia xylocarpa*), Gỗ mật (*Sindora siamensis*), Trắc bầm bầm (*Dalbergia entadoides*), Cẩm lai nam (*Dalbergia cochinchinensis*), Cẩm lai bông (*Dalbergia olivieri*), Cẩm lai Bà Rịa (*Dalbergia bariensis*), Cẩm lai vú (*Dalbergia mammosa*), Dáng hương trái to (*Pterocarpus macrocarpus*).

Khu vực này có nhiều loài động vật có xương sống trên cạn, nhất là những loài quý, hiếm, đặc hữu; trong đó 27 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam - Phần động vật, 27 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN, 30 loài có tên trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2006; Bộ khoa học và Công nghệ, 2007b; IUCN, 2017). Chẳng hạn, lớp thú có Bò tót (*Bos gaurus*), Voi Châu Á (*Elephas maximus*), Cây bay

(*Cynocephalus variegatus*), Cây giông (*Viverra zibetha*), Cây hương (*Viverricula indica*), Khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*), Khỉ đuôi lợn (*Macaca nemestrina*), Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*), Chà vá chân đen (*Pygathrix nigripes*), Nai đen (*Rusa unicolor*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Mèo rừng (*Prionailurus bengalensis*), Tê tê Java (*Manis javanica*). Đại diện lớp chim có Diều hoa Miến Điện (*Spilornis cheela*), Nhông (*Gracula religiosa*), Gà so cổ hung (*Arborophila davidi*), Gà lôi hồng tía (*Lophura diardi*), Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*), Chích chòe lửa (*Copsychus malabaricus*), Cắt nhỏ họng trắng (*Polihierax insignis*), Vẹt ngực đỏ (*Psittacula alexandri*). Lớp bò sát có Kỳ đà vân (*Varanus nebulosus*), Rắn cạp nong (*Bungarus fasciatus*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*), Trăn gấm (*Python reticulatus*) và Trăn đất (*Python molurus*).

Tài nguyên động vật ở khu vực nghiên cứu thuộc vùng đệm VQG Cát Tiên rất đa dạng và phong phú với 217 loài thuộc 87 họ khác nhau (VQG Cát Tiên, 2018). Lớp thú có 39 loài thuộc 23 họ của 11 bộ; trong đó 17 loài (41,02%) thuộc 12 họ của 7 bộ là loài nguy cấp, quý, hiếm. Lớp chim có 149 loài thuộc 52 họ của 18 bộ khác nhau; trong đó có 09 loài (5,26%) thuộc 06 họ của 04 bộ là loài nguy cấp, quý, hiếm. Lớp bò sát có 18 loài thuộc 8 họ của 1 bộ; trong đó có 9 loài thuộc 7 họ là loài nguy cấp, quý, hiếm. Lớp ếch nhái có 11 loài thuộc 4 họ của 1 bộ; trong đó, có 1 loài thuộc 1 họ là loài nguy cấp, quý, hiếm.

Rừng phòng hộ Đắc Lua và rừng thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà thuộc vùng của dự án bảo tồn Voi Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Dự án này được phê duyệt tại Quyết định số 763/QĐ-TTg (Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2013b). Nếu 3 khu vực nghiên cứu được chuyển sang rừng đặc dụng, thì chúng cũng là điều kiện để mở rộng khu di tích quốc gia ở VQG Cát Tiên (Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2012).

Như vậy, các giá trị về cảnh quan và ĐDSH của các khu vực nghiên cứu đáp ứng được thêm tiêu chí: có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục; có cảnh quan môi trường, nét đẹp

độc đáo của tự nhiên, có giá trị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2018).

3.3.3. Phù hợp với mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững

Diện tích 11.409,4 ha mở rộng thuộc rừng phòng hộ Đắc Lua, một phần diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà và Đảo Tiên được chuyển sang rừng đặc dụng (một phần vùng lõi của VQG Cát Tiên) sẽ đảm bảo tốt cho bảo tồn, cải thiện môi trường sống của các loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa. Ngoài ra, chúng còn góp phần thực hiện nhiệm vụ tăng thêm khoảng 100.000 ha rừng đặc dụng toàn quốc theo Quyết định số 886/QĐ-TTg (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2017b), bảo tồn Voi Việt Nam trên địa bàn VQG Cát Tiên (Chính phủ nước CHXNCN Việt Nam, 2013b), bảo vệ rừng đặc dụng, phục hồi những hệ sinh thái và thảm thực vật rừng đặc sắc của miền Đông Nam Bộ.

Khu vực nghiên cứu có 1.640,3 ha rừng nghèo, 19,2 ha rừng kiệt và 2.490,7 ha rừng phục hồi (VQG Cát Tiên, 2018). Khi chuyển sang rừng đặc dụng của VQG Cát Tiên, những diện tích này sẽ được thực hiện các biện pháp lâm sinh (khoanh nuôi, bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên) để phục hồi chất lượng và trữ lượng rừng và chống lại suy thoái rừng.

Nếu được chuyển sang rừng đặc dụng, các diện tích nghiên cứu cũng đóng góp vào việc tái cơ cấu ngành lâm nghiệp trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ. Việc chuyển 9.934,6 ha rừng rừng sản xuất, rừng phòng hộ của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp La Ngà sang rừng đặc dụng góp phần thực hiện việc cổ phần hóa của doanh nghiệp và thực hiện chương trình tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, chuyển đất sản xuất kinh doanh sang đất bảo tồn ĐDSH, đặc biệt là bảo tồn loài Voi Châu Á.

3.4. Những khó khăn khi chuyển sang rừng đặc dụng

Khi chuyển sang rừng đặc dụng hay vùng lõi của VQG thì mức độ bảo vệ rất nghiêm ngặt do chủ yếu phục vụ mục đích bảo tồn. Trong khi đó, cư dân trong khu vực còn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ. Nhu cầu sử dụng lâm sản từ việc sản

bán, khai thác, mua bán trái phép lâm sản là rất lớn (Đình Thanh Sang & Đình Quang Diệp, 2007; Đình Thanh Sang *et al.*, 2010 & 2012; Đình Thanh Sang, 2019). Như vậy, VQG cần tổ chức thêm lực lượng để quản lý bảo vệ các diện tích rừng đặc dụng được mở rộng.

Tỷ lệ người dân tham gia vào công tác bảo tồn ĐDSH còn thấp và hiệu quả chưa cao. Điều đó ảnh hưởng đến chất lượng quản lý bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng (Đình Thanh Sang, 2020). Vì vậy, việc tăng cường thu hút sự tham gia của người dân trong công tác bảo tồn ĐDSH là cần thiết.

Khu vực nghiên cứu có địa bàn rộng và tiếp giáp với nhiều khu vực dân cư. Vì thế, công tác quản lý, bảo vệ rừng gặp rất nhiều khó khăn.

Rừng phòng hộ Đăk Lua, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà và Đảo Tiên có 3.365 ha là rừng phòng hộ, 8.044 ha là sản xuất. Độ che phủ của rừng rất cao (97,2%), nhưng chủ yếu là rừng nghèo, rừng hỗn giao gỗ - lồ ô, rừng hỗn giao lồ ô - gỗ. Những loại rừng này xuất hiện trước khi đóng cửa rừng tự nhiên từ năm 1997. Do vậy, việc phục hồi trữ lượng rừng đòi hỏi thời gian dài và chi phí cao cho các giải pháp kỹ thuật lâm sinh và bảo vệ rừng.

Cơ sở vật chất như hệ thống đường tuần tra, các trạm bảo vệ rừng ở khu vực nghiên cứu còn thiếu hoặc chưa được xây dựng. Vì vậy, VQG cần có kế hoạch và nguồn kinh phí để xây dựng hệ thống đường tuần tra và các trạm bảo vệ rừng.

4. KẾT LUẬN

Rừng phòng hộ Đăk Lua, diện tích rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà và Đảo Tiên chứa đựng tiềm năng lớn cho công tác bảo tồn ĐDSH và phù hợp với các tiêu chí quy hoạch rừng đặc dụng. Khu vực này có nhiều loài động thực vật đặc hữu, quý, hiếm với cấp độ bảo tồn rất nguy cấp. Những diện tích này là mẫu chuẩn của hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới, đặc trưng cho khu vực đồi núi của vùng Đông Nam Bộ. Các khu vực này được chuyển sang rừng đặc dụng ảnh hưởng không lớn đến đời sống, kinh tế của cư dân địa phương và phù hợp với mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững của địa phương và của quốc gia.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay của các khu vực nghiên cứu còn gặp nhiều khó khăn. Các diện tích khu vực nghiên cứu chủ yếu là rừng nghèo, rừng hỗn giao gỗ - lồ ô, rừng hỗn giao lồ ô - gỗ đã bị tác động. Tình trạng phá rừng vẫn còn phổ biến. Cư dân địa phương chưa có sinh kế bền vững. Đặc biệt, sự tham gia của cộng đồng cư dân còn hạn chế và kém hiệu quả. Hệ thống giao thông cần cho tuần tra, bảo vệ còn thiếu. Khu vực cần được chuyển sang rừng đặc dụng gần với các cộng đồng cư dân ở vùng đệm.

Khi chuyển đổi rừng phòng hộ và sản xuất ở khu vực nghiên cứu sang rừng đặc dụng thì VQG Cát Tiên cần nhiều nguồn nhân lực và vật lực. Đặc biệt, ưu tiên thu hút hơn nữa sự tham gia của người dân địa phương vào công tác bảo tồn tài nguyên ĐDSH. Những nghiên cứu sâu hơn về công tác quy hoạch mở rộng diện tích rừng đặc dụng ở VQG Cát Tiên cũng cần được đặt ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học và Công nghệ (2007a). Sách đỏ Việt Nam, Phần thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Bộ khoa học và Công nghệ (2007b). Sách đỏ Việt Nam, Phần động vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). Nghị định 32/2006/NĐ-CP Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; ngày 30 tháng 3 năm 2006. Hà Nội.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2012). Quyết định số 1419/QĐ -TTg ngày 27/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc quyết định xếp hạng các di tích quốc gia đặc biệt. Hà Nội.
5. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2013a). Quyết định 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Dự án "Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013- 2016". Hà Nội.
6. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2013b). Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Tổng thể bảo tồn Voi Việt Nam giai đoạn 2013- 2020". Hà Nội.
7. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2014). Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội.
8. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2016). Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 2/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia. Hà Nội.

9. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2017a). Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020. Hà Nội.
10. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2017b). Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 09/8/2017 của Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020). Hà Nội.
11. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018). Nghị định 156/2018/NĐ-CP về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, ngày 16/11/2018. Hà Nội, Việt Nam.
12. Dinh Thanh Sang (2006). Interactions between local people and protected areas: a case study of Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. Master thesis, Dresden University of Technology, Germany.
13. Dinh Thanh Sang, Kazuo Ogata, and Mitsuyasu Yabe (2010). Contribution of forest resources to local people's income: a case study in Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. Journal of Agricultural Sciences of Kyushu University, Japan; ISSN: 0023-6152. 55(2): 397-402.
14. Dinh Thanh Sang, Ogata K., & Mizoue N. (2012). Use of edible forest plants among indigenous ethnic minorities in Cat Tien Biosphere Reserve, Vietnam. Asian Journal of Biodiversity, ISSN: 2094-1519. 3(1): 23-49. DOI: 10.7828/ajob.v3i1.82
15. Dinh Thanh Sang (2020). Coexistence for sustainable development: A case in Cat Tien National Park, ISBN: 978-604-73-7442-7. Vietnam National University, Ho Chi Minh City Press. Pp 198.
16. Dinh Thanh Sang, Đinh Quang Diệp (2007). Kiến thức bản địa về sử dụng tài nguyên rừng của đồng bào Châu Mạ Vườn quốc gia Cát Tiên, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Dinh Thanh Sang (2019). Tri thức bản địa về sử dụng thực vật rừng ăn được của đồng bào S'tiêng ở Vườn quốc gia Cát Tiên. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(3B): 8-15. DOI: 10.22144/ctu.jvn.2019.071
18. IUCN (2017). IUCN Red List of Threatened Species, <http://www.iucnredlist.org/>.
19. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017). Luật Lâm nghiệp, số 16/2017/QH14. Hà Nội, Việt Nam.
20. UBND tỉnh Đồng Nai (2016). Quyết định số 4189/QĐ-UBND ngày 8/12/2016 về kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đồng Nai, Việt Nam.
21. VQG Cát Tiên (2018). Số liệu các loài động thực vật rừng ở các diện tích đất lâm nghiệp vùng đệm. Đồng Nai.

ASSESSMENT OF BIODIVERSITY CONSERVATION POTENTIAL: A CASE IN THE BUFFER ZONE OF CAT TIEN NATIONAL PARK

Dinh Thanh Sang¹

¹*Thu Dau Mot University*

SUMMARY

Secondary data analysis, field surveys, and interviews were implemented to identify the current status of biodiversity potential in the forest land areas adjacent to the core zone of Cat Tien National Park (CTNP). The findings confirm that Dak Lua protection forest, the surveyed production forest of La Nga State owned single-member limited liability Forestry Company, and Dao Tien forest had a great potential for biodiversity conservation. The fauna consisted of 217 species belonging to 87 families of 31 orders, among them 27 species were listed in the IUCN Red Data Book. Also, the areas had 37 species of vascular plants were listed in the IUCN Red Data Book. Moreover, these three areas were suitable for converting production or protection forests to special-use forests. In particular, converting the areas into special-use forests would impact only 61.5 ha of agricultural land of the local households. As a result, converting the surveyed areas to the core zone of CTNP is necessary for biodiversity conservation and sustainable development of the forest ecosystems. However, most of the forest areas in the study sites were poor and degraded. Deforestation has been occurring continuously in the study areas and the local livelihoods have remained unsustainable. Thus, with the expanded boundary of the core zone, synthetic solutions are also proposed for effective forest regeneration in the new plots of the expanded special-use forest of CTNP.

Keywords: Biodiversity, buffer zone, Cat Tien National Park, land use planning, special-use forest, sustainable development.

Ngày nhận bài : 16/4/2020

Ngày phản biện : 08/5/2020

Ngày quyết định đăng : 15/5/2020